

# TIN HỌC 7 (Tháng 4/2020)

## Bài 8: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU

### 1. Sắp xếp dữ liệu:

- Sắp xếp dữ liệu: là hoán đổi vị trí các hàng của bảng dữ liệu để giá trị dữ liệu trong một hay nhiều cột được sắp xếp theo thứ tự tăng dần hay giảm dần



\* Chú ý:

- Đối với những cột có kiểu dữ liệu ký tự thì mặc định sẽ sắp xếp theo thứ tự của bảng chữ cái Tiếng Anh.

- Dữ liệu trong cột khi sắp xếp phải có cùng kiểu dữ liệu (số, ký tự, thời gian, ...)

\* Sử dụng các lệnh trong nhóm Sort & Filter trên dải lệnh Data:

+ B1: Nháy chọn một ô trong cột em cần sắp xếp dữ liệu.

+ B2: Nháy nút  trong nhóm Sort & Filter trên dải lệnh Data để sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc nháy nút  để sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

\* Sử dụng hộp thoại Sort:

B1: Chọn một ô trong bảng dữ liệu

B2: Chọn lệnh Sort trong nhóm Sort & Filter trên dải lệnh Data. Hộp thoại Sort xuất hiện

B3: + Trong ô Sort By: Chọn cột cần sắp xếp

+ Trong ô Sort On: chọn Values

+ Trong ô Order: chọn chiều cần sắp xếp (largest to smallest: giảm dần, smallest to largest: tăng dần)

B4: Nhấn OK


### 2. Lọc dữ liệu:

\* Lọc dữ liệu là chọn và chỉ hiển thị các hàng thỏa mãn các tiêu chuẩn nhất định nào đó.

\* Để lọc dữ liệu em thực hiện như sau:

- B1: Nháy chuột chọn một ô trong vùng có dữ liệu cần lọc.

- B2: Mở dải lệnh Data và chọn lệnh Filter trong nhóm Sort & Filter

- B3: Nháy chuột vào mũi tên  trên hàng tiêu đề cột để chọn các giá trị dữ liệu cần lọc

- B4: Nháy OK

\* Sau khi có kết quả lọc ta có thể:

- Để hiển thị lại toàn bộ danh sách mà vẫn ở chế độ lọc: Nháy chuột vào biểu tượng trên tiêu đề cột đã lọc và chọn Clear Filter from ... (hoặc nháy chuột chọn Select All và nháy OK)

- Thoát khỏi chế độ lọc: chọn lại lệnh Filter trong nhóm Sort & Filter trên dải lệnh Data

### 3. Lọc các hàng có giá trị lớn nhất (hay nhỏ nhất):

B1: Nháy chuột vào mũi tên tại tiêu đề cột cần lọc, chọn Number Filters -> chọn Top 10, xuất hiện cửa sổ

B2: Chọn **Top** (lớn nhất), hoặc **Bottom** (nhỏ nhất)

B3: Chọn hoặc nhập số hàng cần lọc

B4: Nhấn OK

\* **Lưu ý:** không sử dụng được với các cột có dữ liệu kí tự

## **Bài 9: TRÌNH BÀY DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ**

### 1. Minh họa dữ liệu bằng biểu đồ:

- Biểu đồ là cách biểu diễn dữ liệu một cách trực quan bằng các đối tượng đồ họa (các cột, đoạn thẳng, ..)

- Ưu điểm của việc biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ trong chương trình bảng tính :

- + Dễ hiểu, dễ gây ấn tượng và người đọc ghi nhớ lâu hơn
- + Biểu đồ được tự động cập nhật khi dữ liệu thay đổi
- + Có nhiều dạng biểu đồ phong phú

### 2. Một số dạng biểu đồ:

- Biểu đồ cột : so sánh dữ liệu có trong nhiều cột

- Biểu đồ đường gấp khúc : so sánh dữ liệu và dự đoán xu thế tăng hay giảm của dữ liệu

- Biểu đồ hình tròn : mô tả tỉ lệ của giá trị dữ liệu so với tổng thể

### 3. Tạo biểu đồ: gồm 2 bước

- B1: Chỉ định miền dữ liệu : chọn 1 ô trong miền có dữ liệu cần vẽ biểu đồ

- B2: Chọn dạng biểu đồ : Nháy chuột chọn nhóm biểu đồ thích hợp trong nhóm Charts trên dải lệnh Insert

\* **Lưu ý:** Nếu chỉ cần tạo biểu đồ từ 1 phần dữ liệu trong bảng, em nên chọn cụ thể miền dữ liệu bằng cách chọn khối (hoặc các khối) có dữ liệu cần vẽ

#### **4. Chỉnh sửa biểu đồ:**

a/ Thay đổi dạng biểu đồ :

- B1 : Nháy chuột chọn biểu đồ
- B2 : Chọn dạng biểu đồ khác trong nhóm Charts trên dải lệnh Insert (hoặc sử dụng lệnh Change Chart Type trong nhóm Type trên dải lệnh Design)

b/ Thêm thông tin giải thích biểu đồ :

- Thông tin giải thích biểu đồ bao gồm :
  - + Tiêu đề của biểu đồ
  - + Tiêu đề của các trục ngang và trục đứng
  - + Thông tin giải thích các dãy dữ liệu
  - + Thêm hoặc ẩn tiêu đề của biểu đồ
  - + Thêm hoặc ẩn tiêu đề các trục của biểu đồ
  - + Thêm hoặc ẩn chú giải
- Để thêm thông tin giải thích biểu đồ, em thực hiện như sau :
  - + B1 : Nháy chuột lên biểu đồ
  - + B2 : Sử dụng các lệnh trong nhóm Labels trên dải lệnh Layout

c/ Thay đổi vị trí hoặc kích thước của biểu đồ : bằng thao tác kéo thả chuột

d/ Xóa biểu đồ :

- Nháy chuột lên biểu đồ và nhấn Delete